TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **123**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện G (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H), về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh NVT**, sinh năm 1993; CCCD số: 025093003037 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; nơi đăng ký thường trú: Khu GC, xã CK, tỉnh PT; nơi tạm trú: Tổ dân phố AL, xã G, thành phố H.

Bị đơn: **Chị LTQT**, sinh năm 1996; CCCD số: 001196004575; do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021; nơi đăng ký thường trú: Thôn Cam 1, xã G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh NVT, sinh năm 1993 và chị

LTQT, sinh năm 1996.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh NVT và chị LTQT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh TH và chị T cùng xác định anh chị có 03 con chung gồm: Cháu NNNU, sinh ngày 14/10/2017, cháu NKA, sinh ngày 25/7/2022 và cháu NLTT, sinh ngày 19/10/2015.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu U, cháu KA và cháu Tr cho chị T là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của anh TH đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là 1.500.000 đồng/mỗi con/tháng kể từ tháng 8/2025 đến khi cháu U, cháu KA, cháu Tr trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh TH và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.2. Về nợ chung vợ chồng: Anh TH và chị T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh TH chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh TH đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0066165 ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – H).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 5 – H;*
- *THADS TP H;*
- *Phòng THADS Khu vực 5 - HN*
- *UBND xã ST nay là xã CK, tỉnh PT (GCNKH số 41 ngày 15/11/2015);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Minh Ngọc